

Bản án số: 04/2024/DS-PT

Ngày: 05-01-2024

V/v “*Quyền sử dụng đất dùng
làm lối đi chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Hiệp

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên
tòa:** Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/12/2023 và ngày 05/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2023/TLPT-DS ngày 31/10/2023 về việc: “*Quyền sử dụng đất dùng làm lối đi chung*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2023/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông Lê Minh Th, sinh năm: 1958. Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1978; trú tại: Ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

***Bị đơn:**

1. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1968
2. Ông Mã Thanh M, sinh năm 1977
3. Ông Nguyễn Châu Ph, sinh năm 1984
4. Ông Tăng Ứng Nh, sinh năm 1963
5. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1973
6. Ông Đinh Văn Ch, sinh năm 1982
7. Ông Trương Quốc N, sinh năm 1986
8. Ông Trương Văn S, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đội 1 ấp S, xã T huyện Đ, tỉnh Bình Phước

9. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1962

10. Ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1970 và bà Mã Thị Tr, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú: Đội 1 ấp S, xã T huyện Đ, tỉnh Bình Phước

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã Tân H

2. Ủy ban nhân dân huyện Đ

3. Bà Trương Thị Ng, sinh năm 1958

4. Ông Trương Quốc V, sinh năm 1984

5. Bà Võ Thị Thanh Th, sinh năm 1968

6. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960

7. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1960

8. Ông Bùi Thế Nh, sinh năm 1980

9. Ông Lê Văn K, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Hà G, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Đội 1 ấp S, xã T huyện Đ, tỉnh Bình Phước

10. Ông Võ Đình T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Kp 5, P. T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước

11. Bà Võ Thị Mỹ Ng, sinh năm 1976. Địa chỉ: Kp T, P. T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước

12. Bà Đoàn Thị V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Kp P, P. T, TP. Đ, tỉnh Bình Phước.

13. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968. Địa chỉ: đội 1, Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước

**Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Lê Minh Th trình bày:*

Vào năm 2000, ông Lê Minh Th có sử dụng một phần đất rẫy để trồng mía tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Do nhu cầu vận chuyển bằng xe cơ giới để trồng, chăm sóc, thu hoạch mía nên có đi ngang phần đất ông Nguyễn Tuyên X quản lý sử dụng. Quá trình đi nhờ giữa gia đình ông Th và gia đình ông X xảy ra mâu thuẫn nên hai bên thống nhất gia đình ông Th nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tuyên X phần đất có chiều ngang 05m, chiều sâu hơn 100m để làm lối đi vào rẫy nhà ông Th với giá 1.000.000 đồng, đến năm 2001 hai bên mới viết giấy tay thể hiện việc sang nhượng đất. Ông X đã giao đất cho gia đình ông Th quản lý sử dụng ổn định đến năm 2001 để làm lối đi vào đất rẫy.

Đến năm 2011, ông Th không có nhu cầu sử dụng phần đất rẫy phía trong nên đã chuyển nhượng rẫy của ông Th cho người khác, đồng thời, giữ lại phần đất nhận sang nhượng từ ông X để sử dụng.

Từ năm 2009, địa phương tiến hành đo đạc đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân nên phần đất của ông Th bị đoàn đo đạc vẽ thành lối đi của các hộ dân phía trong đất của ông Th, đồng thời cho vợ ông Th là bà Trương Thị Ng đứng tên trên một phần đất khác của ông Nguyễn Tuyên X (giáp suối cạn, giáp phần đất nhận sang nhượng của ông X). Phần đất này thuộc quyền sử dụng ông X, ông X sử dụng ổn định từ khi khai phá đến nay, hiện ông X vẫn đang quản lý sử dụng. Do địa phương không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông Th, lại tự ý cho vợ ông Th đứng tên ở phần đất khác nên ông Th đã khiếu nại đến UBND xã Tân H giải quyết. Khi giải quyết, Chủ tịch UBND xã Tân H buộc ông Th phải nhận phần đất của ông X ở liền kề và dùng phần đất ông Th nhận sang nhượng từ ông X để làm đường đi cho các hộ dân phía trong (hiện nay đang tiến hành san ủi để làm đường bê tông) nhưng ông Th không đồng ý vì không phù hợp với thực tế.

Hiện nay, phần đất 05 m x 100m nói trên do 11 hộ dân đội 1 ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (*sau đây gọi tắt là 11 hộ dân Đội 1, ấp S*) sử dụng làm lối đi chung, UBND xã Tân H quy hoạch thành lối đi nhưng không bồi thường thiệt hại giá trị đất cho gia đình ông Th. Qua định giá của tổ chức thẩm định giá độc lập, phần đất có chiều ngang 5m nói trên có trị giá là 190.487.300 đồng.

Do đó, ông Lê Minh Th khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn là tập thể 11 hộ dân đội 1, ấp S và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Trương Quốc V, bà Võ Thị Thanh Th, ông Nguyễn Văn H, ông Võ Đình T, bà Võ Thị Mỹ Ng, bà Đoàn Thị V, ông Lê Văn Th, ông Nguyễn Văn H cùng liên đới bồi thường giá trị đất bị sử dụng làm lối đi là 190.487.300 đồng.

Bà Trương Thị Ng là vợ ông Lê Minh Th thống nhất với lời trình bày của chồng.

** Phần trình bày ý kiến của bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Văn L trình bày:

Ông Huỳnh Văn L sinh sống tại ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước từ năm 1997. Phần đất dùng làm đường đi hiện nay có tranh chấp đã hình thành từ trước khi ông Huỳnh Văn L chuyển đến, tuy nhiên, ai là người mở con đường đi thì ông Huỳnh Văn L không được biết. Nay ông Lê Minh Th yêu cầu các hộ dân bồi thường phần đất dùng làm đường đi đang có tranh chấp với số tiền là 190.487.300 đồng thì ông Huỳnh Văn L không đồng ý bồi thường.

2. Ông Tăng Ưng Nh trình bày:

Ông Tăng Ưng Nh sinh sống tại ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước từ năm 1988. Phần đất dùng làm đường đi hiện nay có tranh chấp đã hình thành từ trước khi ông Tăng Ưng Nh chuyển đến, tuy nhiên, ai là người mở con đường đi thì ông Tăng Ưng Nh không được biết. Gia đình ông Tăng Ưng Nh sử dụng con đường để đi lại từ năm 1988 không có ai ngăn cản hay tranh chấp. Hiện nay, ngoài con đường này thì không có con đường nào khác để ra đường công cộng.

Nay ông Lê Minh Th yêu cầu 11 hộ dân Đội 1, ấp S (trong đó có ông Tăng Ưng Nh) phải bồi thường phần đất dùng làm đường đi đang có tranh chấp với số tiền là 190.487.300 đồng thì ông Tăng Ưng Nh không đồng ý bồi thường.

3. Ông Trần Văn Th trình bày:

Ông Trần Văn Th về sinh sống tại đội 1, ấp Suối Da, xã Tân H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước từ tháng 8/1989. Khi đến sống đội 1, ấp Suối Da, xã Tân H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước con đường dành cho xe bò xe kéo cây đã tồn tại và không có ai tranh chấp gì. Nay ông Lê Minh Th có tranh chấp về con đường, ông Trần Văn Th đề nghị Tòa án giải quyết để 11 hộ dân Đội 1, ấp S có con đường đi lại vì ngoài con đường này để ra đường công cộng thì không có con đường nào khác.

4. Ông Trương Văn S trình bày.

Gia đình ông Trương Văn S làm rẫy tại đội 1, ấp Suối Da, xã Tân H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước từ năm 1992 đến nay. Khi đến, con đường đi đã hình thành không có ai ngăn cản khi đi qua con đường này. Ở khu vực đội 1, ấp Suối Da, xã Tân H, huyện Đ, tỉnh Bình Phước chỉ có mỗi con đường này không có con đường nào khác để ra đường công cộng. Nay xảy ra tranh chấp giữa ông Lê Minh Th và 11 hộ dân Đội 1, ấp S, ông Sang đề nghị Tòa án giải quyết để 11 hộ dân Đội 1, ấp S có con đường đi lại.

5. Ông Mã Thanh M trình bày.

Ông Mã Thanh M đến sinh sống ở ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước vào năm 2000, khi đến đây sống ông Mộng thấy con đường đã có từ trước. Hiện tại, mọi người đều đi trên con đường này không có ai cản trở hay tranh chấp gì. Con đường này là con đường duy nhất để gia đình ông Mộng đi ra đường công cộng, ngoài ra không có con đường nào khác. Nay xảy ra tranh chấp con đường giữa ông Lê Minh Th và 11 hộ dân Đội 1, ấp S, ông Mộng có đề nghị Tòa án giải quyết để gia đình ông Mộng có con đường để đi lại làm ăn được thuận tiện.

6. Ông Trương Quốc N trình bày.

Ông Trương Quốc N cùng ông Lê Minh Th và 11 hộ dân cùng sinh sống và làm rẫy tại Đội 1 ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. năm 2019 anh Nam vào làm rẫy tại đội 1, ấp S trên phần đất của cha ông Nam là ông Trương Hoàng

Vẫn để lại. Từ trước đến bây giờ gia đình ông Nam vẫn đi trên con đường nay mà không có sự ngăn cản của bất cứ ai và ngoài con đường này ra thì không có con đường nào khác. Nay ông Lê Minh Th khởi kiện 11 hộ dân Đội 1, ấp S yêu cầu bồi thường thiệt hại thì ông Trương Quốc N không đồng ý.

7. Bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà Lê Thị Đ là hàng xóm của ông Lê Minh Th cùng sinh sống tại Đội 1 ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Nhà bà Điệp đến sinh sống Đội 1 ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước vào năm 2004. Bà Điệp xác định con đường hiện tại đang có tranh chấp giữa ông Lê Minh Th và 11 hộ dân Đội 1, ấp S là con đường có từ trước khi bà Điệp đến làm ăn sinh sống đi lại trên con đường nay ngoài ra không còn con đường nào khác.

Nay ông Lê Minh Th yêu cầu 11 hộ dân Đội 1, ấp S (trong đó có bà Lê Thị Đ) phải bồi thường phần đất dùng làm đường đi đang có tranh chấp với số tiền là 190.487.300 đồng thì bà Lê Thị Đ không đồng ý bồi thường.

8. Ông Đinh Văn Ch trình bày:

Ông Đinh Văn Ch sinh sống tại Đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước khoảng 30 năm, đã sử dụng thường xuyên con đường đi đang có tranh chấp để ra đường công cộng. Con đường hình thành trước khi bà Nga ông Th đến sinh sống. Do vậy, ông Lê Minh Th khởi kiện yêu cầu 11 hộ dân tại Đội 1 ấp S phải bồi thường số tiền 190.487.300 đồng thì ông Đinh Văn Ch không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết sớm vụ việc để bà con nhân dân đội 1 ấp S có con đường đi lại.

9. Ông Nguyễn Châu Ph trình bày:

Năm 2005, gia đình anh Nguyễn Châu Ph có nhận chuyển nhượng phần đất từ ông D (không rõ họ và địa chỉ) để xây dựng nhà và sinh sống tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước cho đến nay. Do con đường đã hình thành từ trước nên ông Lê Minh Th khởi kiện yêu cầu 11 hộ dân tại Đội 1 ấp S phải bồi thường số tiền 190.487.300 đồng thì ông Nguyễn Châu Ph không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết sớm vụ việc để bà con nhân dân đội 1 ấp S có con đường đi lại.

10. Bà Mã Thị Tr (vợ ông Huỳnh Ngọc D) trình bày:

Năm 2006, gia đình bà Mã Thị Tr, ông Huỳnh Ngọc D đến sinh sống tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Con đường tranh chấp đã hình thành trước khi gia đình bà Trang đến ở. Bà Mã Thị Tr được biết con đường hình thành đã lâu, các hộ dân xung quanh sử dụng để đi lại. Nay nên ông Lê Minh Th khởi kiện yêu cầu 11 hộ dân Đội 1, ấp S phải bồi thường số tiền

190.487.300 đồng thì ông bà Mã Thị Tr không đồng ý bồi thường, đề nghị Tòa án sớm giải quyết để trả lại con đường cho bà con thuận tiện trong việc đi lại.

** Ý kiến của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Mỹ Ng trình bày.

Bà Võ Thị Mỹ Ng sinh sống tại Kp Tân Xuân, phường Tân Xuân, Tp Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Từ năm 2003, bà Ng có rẫy cao su tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Từ khi vào làm rẫy cho đến nay thì con đường (đoạn từ ngã 3 tiếp giáp ông Nguyễn Tuyên X) đã hình thành, quá trình sử dụng con đường không có ai ngăn cản. Ngoài lối di hiện tại bà Ng cùng các hộ dân ở đội 1, ấp S, xã T không có con đường nào khác để đi từ nhà, rẫy ra đường liên thôn.

Nay ông Lê Minh Th khởi kiện yêu cầu 11 hộ dân Đội 1, ấp S và một số chủ rẫy phải bồi thường thiệt hại đối với phần đất có chiều ngang 5m chiều sâu 133m với số tiền 190.487.300 đồng thì bà Ng không đồng ý. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Th bà Ng yêu cầu Tòa án sớm giải quyết để người dân ở đội 1, ấp S, xã T có con đường đi lại ổn định.

2. Ông Trương Quốc V trình bày:

Ông Trương Quốc V là hàng xóm với ông Lê Minh Th ở ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. vào năm 2005, ông Việt vào làm ăn sinh sống trên đất rẫy của gia đình. Trước khi vào sinh sống tại đội 1 ấp S thì đã làm rẫy và đi lại, chở hàng hóa nông sản trên con đường này mà không ai ngăn cản. Ngoài con đường này thì tập thể các hộ dân và người làm rẫy tại Đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước không có con đường nào khác để đi ra đường công cộng. Nay có tranh chấp giữa ông Lê Minh Th và 11 hộ dân đội 1, ấp S, ông Việt đề nghị Tòa án giải quyết để các hộ dân có đường đi lại ổn định thuận tiện.

3. Bà Võ Thị Thanh Th trình bày.

Từ năm 1989, bà Võ Thị Thanh Th sinh sống ở đội 1 ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đã thấy xe bò kéo cây đi qua con đường đang tranh chấp, không thấy ai ngăn cản. Nay xảy ra tranh chấp giữa ông Th và 11 hộ dân Đội 1, ấp S, bà Võ Thị Thanh Th yêu cầu cấp có thẩm quyền giải quyết để người dân có con đường đi lại thuận tiện. Đồng thời, bà Võ Thị Thanh Th không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th.

4. Ông Nguyễn Văn H trình bày.

Gia đình ông Hải là hàng xóm của ông Lê Minh Th tại ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Gia đình ông Hải đã vào sinh sống ở đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước từ năm 1989 và con đường hiện tại đang tranh chấp là

con đường có từ trước khi gia đình ông Hải đến sinh sống, đi lại. Ngoài con đường này thì không còn con đường nào khác để các hộ dân phía trong đi ra đường công cộng. Ông Nguyễn Văn H không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của ông Lê Minh Th.

5. Ông Võ Đình T trình bày:

Ngày 26/8/2007, ông Võ Đình T nhận sang nhượng từ ông Lê Văn H, thường trú tại ấp Bình Đường, xã An Bình, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương phần đất có diện tích 400 m², đất trồng cây cao su tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. khi nhận sang nhượng đất đã có con đường chiều ngang khoảng 4m. Đến năm 2015 – 2016 mới biết có tranh chấp, có tham gia các buổi hòa giải. thời gian sau, ông Võ Đình T không tham gia nên nắm được nội dung tranh chấp.

6. Bà Đoàn Thị V trình bày.

Gia đình bà Đoàn Thị V có đất rẫy tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Từ năm 1998 đến nay, gia đình bà V đi lại trên con đường hiện đang tranh chấp giữa ông Th và 11 hộ dân, bà V xác định con đường này có từ trước khi bà V đến sinh sống và ngoài con đường này ra thì không có con đường nào khác để đi liên thôn. Nay giữa ông Lê Minh Th và 11 hộ dân Đội 1, ấp S có tranh chấp về con đường này thì giữa ông Th và 11 hộ dân Đội 1, ấp S tự thỏa thuận, bà V không có ý kiến hay yêu cầu gì.

7. Ông Lê Văn Th trình bày.

Vào năm 2001 ông Lê Văn Th vào làm rẫy ở đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước đến nay đã có con đường đang tranh chấp, không có con đường nào khác ngoài con đường này để ra đường công cộng.

8. Bà Nguyễn Thị Hà G (vợ ông Lê Văn K) trình bày:

Năm 1998, gia đình bà Nguyễn Thị Hà G và ông Lê Văn K đến khu vực đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước lập nghiệp, có khai phá được phần đất có diện tích khoảng 05ha tọa lạc liền kề con đường đi có tranh chấp giữa ông Lê Minh Th. Năm 2022, bà G ông Kết đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất trên cho người tên Dũng tại Đồng Nai (không rõ họ tên, địa chỉ). Liên quan đến vụ kiện giữa ông Lê Minh Th và 11 hộ dân Đội 1, ấp S thì bà G xác định con đường đi có từ trước khi ông Lê Minh Th đến làm rẫy (trồng mía). Do vậy, việc ông Lê Minh Th kiện ông Huỳnh Văn L và 11 hộ dân Đội 1, ấp S nói trên là không phù hợp với thực tế. Do bận công việc, bà Nguyễn Thị Hà G xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

9. Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào năm 2001, ông Nguyễn Văn H vào làm rẫy ở đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước và đi lại trên con đường hiện đang tranh chấp giữa ông Lê Minh Th và 11 hộ dân Đội 1, ấp S. Ông H khẳng định con đường này có trước khi Ông H đến làm rẫy và đi lại trên con đường này mà không bị ai ngăn cản. Ngoài con đường này ra không có con đường nào khác để đi vào rẫy.

10. Ông Bùi Thế Nh trình bày:

Năm 2015, ông Bùi Thế Nh có nhận sang nhượng từ ông Võ Đình T phần đất chiều ngang 12m, chiều sâu khoảng 50m tọa lạc tại Đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất tiếp giáp với phần đất dùng làm đường đi có tranh chấp giữa ông Lê Minh Th và 11 hộ dân Đội 1, ấp S. Ông Nh đã nhận đất và canh tác từ năm 2015 cho đến nay. Sau khi nhận sang nhượng đất, Ông Nh làm thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được biết có liên quan đến phần đất tranh chấp nói trên.

Do có sử dụng phần đất tranh chấp làm lối đi vào phần đất Ông Nh đang sử dụng nên nếu Tòa án buộc 11 hộ dân Đội 1, ấp S phải bồi thường thiệt hại thì Ông Nh cũng đồng ý đóng góp một phần tương ứng với các hộ dân để bồi thường thiệt hại cho các hộ dân nhằm chấm dứt tranh chấp. Trường hợp các hộ dân không phải bồi thường thiệt hại thì ông Bùi Thế Nh đề nghị Tòa án sớm giải quyết vụ việc để Ông Nh thực hiện việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

11. Ý kiến của UBND xã Tân H:

Ông Lê Minh Th khởi kiện 11 hộ dân Đội 1, ấp S yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến phần đất dùng làm đường đi có diện tích 673,1 m² tại thửa số 0 tờ bản đồ số 23 xã Tân H. Tòa án và UBND xã Tân H nhiều lần tổ chức cho các hộ dân đối thoại với nhau nhưng không có kết quả. Quan điểm của UBND xã Tân H thống nhất với ý kiến của UBND huyện Đ tại Công văn số 2256/UBND-NC ngày 12/8/2021. Đồng thời, UBND xã Tân H kiến nghị Tòa án sớm giải quyết vụ việc nhằm đảm bảo tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

12. Tại Công văn số 2256/UBND – NC ngày 12/8/2021, UBND huyện Đ, tỉnh Bình Phước có ý kiến về nội dung liên quan đến vụ án như sau:

Phần đất có phần đất có tranh chấp có diện tích 673,1 m², chiều ngang 05 m, chiều sâu trung bình 120 m; phía đông giáp đường bê tông, phía tây giáp đường công cộng, phía nam giáp đất ông Nguyễn Tuyên X và ông Võ Đình T; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Tuyên X và Lê Văn K, tọa lạc tại đội ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước được thể hiện tại Mảnh trích đo chính số 01, do Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện Đ lập ngày 28/02/2020; được thể hiện trên Bản quy hoạch là đường giao thông nông thôn (Quyết định số 3698/QĐ-UBND ngày

28/12/2018 của UBND huyện Đ về việc điều chỉnh quy hoạch giao thông nông thôn huyện Đ, tỉnh Bình Phước năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030).

Qua kiểm tra, rà soát, UBND huyện Đ xác định: Từ trước đến nay phần diện tích đất đang tranh chấp nêu trên chưa bị Nhà nước thu hồi để làm đường giao thông nông thôn. Phần diện tích đất tranh chấp này vào năm 2009 đã được đo đạc chính quy thể hiện trên Bản đồ đo đạc chính quy năm 2009 của xã Tân H là con đường đi của 11 hộ dân.

Trong hợp UBND huyện Đ, tỉnh Bình Phước chưa thu hồi đất, ông Lê Minh Th có yêu cầu UBND xã Tân H và 11 hộ dân tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước bồi thường thiệt hại về quyền sử dụng đất vì sử dụng phần đất 673,1 m² nói trên làm đường đi, UBND huyện Đ, tỉnh Bình Phước không có ý kiến hay yêu cầu gì, đề nghị TAND huyện căn cứ vào các tình tiết, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận định, kết luận giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Lê Minh Th và tập thể bà con sinh sống và làm rẫy tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước tại phiên tòa. Công nhận phần đất có diện tích 673,1 m² chiều ngang 05 m, chiều ngang 05 m, có vị trí xác định: phía đông giáp đường bê tông, phía tây giáp đường công cộng, phía nam giáp đất ông Nguyễn Tuyên X và ông Võ Đình T dài 132,81 m; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Tuyên X và Lê Văn K dài 136,74 m được thể hiện tại Mảnh trích đo chính số 01, do Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện Đ lập ngày 28/02/2020 (kèm theo Bản án này) là đường đi chung của 10 hộ dân tại Đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th. Buộc tập thể 10 hộ dân tại Đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (là những người trực tiếp sử dụng thường xuyên đối với toàn bộ phần đất có diện tích 673,1 m² để làm đường đi) gồm các ông (bà): Huỳnh Văn L, Mã Thanh M, Nguyễn Châu Ph, Tăng Ứng Nh, Lê Thị Đ, Đinh Văn Ch, Trần Văn Th, Trương Quốc N, Huỳnh Ngọc D (có vợ là Mã Thị Tr), Trương Văn S, Trương Quốc V, Võ Thị Thanh Th, Nguyễn Văn H, Bùi Thế Nh (nhận chuyển nhượng lại đất của ông Võ Đình T), Đoàn Thị V, Lê Văn Th, Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Lê Minh Th số tiền 190.487.300 đồng (tương ứng mỗi phần là 11.205.135 đồng).

Các ông (bà): Huỳnh Văn L, Mã Thanh M, Nguyễn Châu Ph, Tăng Ứng Nh, Lê Thị Đ, Đinh Văn Ch, Trần Văn Th, Trương Quốc N, Huỳnh Ngọc D (có vợ là Mã Thị Tr), Trương Văn S, Trương Quốc V, Võ Thị Thanh Th, Nguyễn

Văn H, Bùi Thế Nh (nhận chuyển nhượng lại đất của ông Võ Đình T), Đoàn Thị V, Lê Văn Th, Nguyễn Văn H có quyền khởi kiện những cá nhân, tổ chức sinh sống, làm rẫy thường xuyên sử dụng phần đất có diện tích 673,1 m² để làm đường đi bồi hoàn lại số tiền mà các ông bà có tên trên đã bồi thường thiệt hại cho ông Lê Minh Th tương ứng với phần mà họ phải chịu.

Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th đối với ông Ngô Văn Lâm và UBND xã Tân H do ông Lê Minh Th rút yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/4/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm theo hướng Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ và đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-DS ngày 28/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 4 Điều 308, 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-DS ngày 28/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ và đình chỉ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại điều 278, 279, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, HĐXX thấy rằng:

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án Bản án sơ thẩm đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, đúng theo quy định của pháp luật. Các bên đương

sự không có kháng cáo hay kiến gì về nội dung của vụ án. Đây là quyền của các đương sự theo quy định tại Điều 3 của Bộ luật dân sự.

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án ông Th cho rằng: Năm 2000, ông nhận chuyển nhượng lại diện tích đất trên từ ông Nguyễn Tuyên X với giá 1.000.000 đồng (khi nhận chuyển nhượng không làm giấy tờ đến năm 2001 hai bên mới viết giấy tay và đã trả đủ tiền) để làm đường đi cho xe cơ giới vận chuyển, thu hoạch mía vì ông có rẫy trong mía nằm phía trong phần đất của ông X. Ông X không phản đối mà còn thừa nhận lời trình bày của ông Th là đúng và xác định nguồn gốc đất này do ông khai phá năm 1991. Theo quy định tại khoản 1 Điều 92 BLTTDS tòa án xác định tình tiết này là sự thật không phải chứng minh. Hơn thế nữa, Lời trình bày của ông Th và ông X phù hợp với chứng cứ do ông Th cung cấp là “Giấy sang nhượng đường đi lại” (BL12).

Như vậy, với các chứng cứ trên đủ cơ sở xác định thửa đất tranh chấp là của ông Th nhận chuyển nhượng của ông X vào năm 2000, việc nhận chuyển nhượng QSDĐ của ông Th được lập thành văn bản nhưng vi phạm hình thức (không được công chứng, chứng thực) và được thực hiện trước ngày luật đất đai năm 2003 có hiệu lực (01/7/2004), đã thanh toán đầy đủ 100% cho bên chuyển nhượng. Tại Quyết định kháng nghị cũng ghi nhận: “*năm 2009....gia đình ông Th làm đơn xin cấp Giấy CNQSDĐ đối với diện tích đất này*”, tại thời điểm này QSDĐ của ông Th hoàn toàn đủ điều kiện để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 7 Điều 50 Luật đất đai 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật đất đai. Tuy nhiên, UBND huyện Đ vẫn chưa cấp cho ông Th đến năm 2018 UBND huyện Đ mới quy hoạch đất ông Th làm đường nông thôn (*sau thời điểm ông Th xin cấp đất*). Theo Công văn số 2256/UBND ngày 12/8/2021 của UBND huyện Đ (bút lục 115) trả lời Công văn của Tòa án thì quy hoạch này chưa triển khai, chưa tiến hành thu hồi đất của ông Th. Theo quy định tại khoản 8 điều 49 của Luật đất đai năm 2003 được sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch “*mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất*” thì quy hoạch bị hủy bỏ và “*người sử dụng đất không bị hạn chế về quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này*”. Điều này cũng được UBND huyện Đ thừa nhận tại Công văn số 2256/UBND trên và không có ý kiến đối với trường hợp 11 hộ dân bồi thường giá trị quyền sử dụng đất cho ông Th để dùng làm lối đi.

[2.2] Tại thời điểm năm 2009, trên đất có dấu tích đi lại của người dân nên đoàn đo đạc thể hiện nhằm thành lối đi nhưng theo Công văn số 2256/UBND ngày 12/8/2021 của UBND huyện Đ trả lời: Diện tích đất đang tranh chấp được thể hiện trên bản đồ quy hoạch giao thông nông thôn chưa bị Nhà nước thu hồi để làm đường giao thông nông thôn và như đã phân tích trên QSDĐ đang tranh chấp này hiện này vẫn là của ông Th, tức quyền lợi của ông Th chưa bị cơ quan hành chính nhà nước xâm phạm mà QSDĐ đất này bị những người dân xâm phạm làm đường đi, do đó quyền lợi của ông Th bị xâm phạm bởi những người dân. Theo quy định điều 186 BLTTDS ông Th có quyền khởi kiện những người mà ông Th cho rằng đã xâm phạm đến quyền lợi của ông Th. Tại Quyết định kháng nghị cũng xác định ông Th có quyền khởi kiện khi cho

rằng: “trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cũng không hướng dẫn, thông báo cho ông Th sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện để xác định các hộ dân này cũng là bị đơn trong vụ án”. Mặc dù, nhận định ông Th có quyền khởi kiện tất cả những hộ dân nhưng nội dung quyết định kháng nghị phúc thẩm lại xác định ông Th không có quyền khởi kiện là mâu thuẫn trong nhận định và quyết định, không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm quyền lợi của ông Th. Do đó, kháng nghị phúc thẩm cho rằng ông Th không có quyền khởi kiện là không có căn cứ nên phần kháng nghị này không được chấp nhận.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của ông Th thể hiện, từ khi gia đình ông Th đến lập nghiệp, sinh sống trên đất Bình Phước đến nay hơn 30 năm vẫn chưa được chính quyền cấp GCNQSDĐ, không có bất cứ tài liệu nào thể hiện UBND huyện dùng QSDĐ của ông Th làm đường dân sinh. Tuy nhiên, kháng nghị phúc thẩm lại nhận định: “*khi UBND huyện cấp Giấy CNQSDĐ thì lại cấp cho gia đình ông 01 thửa đất khác, còn đất của gia đình ông thì dùng làm đường đi cho các hộ dân sinh sống tại đội 1*”, nhận định này của VKS là suy diễn, sai lầm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ nên kháng nghị cho rằng ông Th không có quyền khởi kiện là không đúng.

[3] Về nguồn gốc đất: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông X cho rằng: “*nguồn gốc đất này do gia đình ông khai phá năm 1991*”, tức trước thời điểm này ở vùng đất này là đất rừng có rất ít người dân sinh sống nhưng kháng nghị phúc thẩm lại sử dụng lời khai của những bị đơn sinh sống sau này khi cho rằng “*các hộ dân sinh sống trong khu vực này thì con đường đi hình thành từ trước năm 1988 cho đến nay*” là nhận định mang tính chủ quan, không phù hợp với chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án do đó, kháng nghị của VKS không được chấp nhận.

[4] Như đã phân tích và nhận định nêu trên, có đủ căn cứ xác định, QSDĐ là của ông Th có đủ điều kiện được cấp GCN nhưng chưa được cấp GCN chứ không phải không được cấp. Tuy nhiên, thực tế bên trong có nhiều hộ dân sinh sống, cần lối đi ra ngoài đường công cộng nên nếu ông Th không đồng ý cho họ đi thì theo quy định của pháp luật ông Th vẫn phải dành cho các hộ dân lối đi. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Th cũng đồng ý để con đường làm lối đi cho các hộ dân, ông Th chỉ yêu cầu các hộ dân hỗ trợ cho ông Th giá trị của con đường do ông Th là chủ sở hữu của diện tích đất này. Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự cũng không có tranh chấp việc có hay không việc dùng QSDĐ trên để làm lối đi, trong vụ án này các bên chỉ mâu thuẫn, tranh chấp việc có bồi hoàn giá trị quyền sử dụng đất hay không.

Tòa cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Th với các hộ dân về việc dùng QSDĐ của ông Th làm lối đi là có căn cứ, đúng quy định, phù hợp với ý chí và nguyện vọng của các bên. Các hộ dân được hưởng quyền thì phải thực hiện nghĩa vụ tương ứng là bồi hoàn lại giá trị QSDĐ cho ông Th nhưng không tự nguyện nên tòa sơ thẩm tuyên buộc các hộ dân bồi thường là có căn cứ, đúng quy định. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm các bị đơn và những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hay kháng cáo đối với phần Quyết định của bản án sơ thẩm. Như vậy, kháng nghị của VKS không có căn cứ chấp nhận.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Trương Quốc V, bà Võ Thị Thanh Th, ông Nguyễn Văn H, ông Bùi Thế Nh, bà Đoàn Thị V, ông Lê Văn Th, ông Nguyễn Văn Quang là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là đúng quy định vì họ không phải là người bị kiện. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án, tòa sơ thẩm nhận thấy những người trên được hưởng quyền lợi nên phải có nghĩa vụ tương xứng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tuyên buộc những người này cùng bị đơn chịu trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định nên kháng nghị phúc thẩm phần này là không có căn cứ chấp nhận.

Bản án sơ thẩm tuyên: “3. Án phí dân sự sơ thẩm: ...mỗi người phải nộp số tiền là 560.260 đồng” nhưng Kháng nghị phúc thẩm cho rằng *Tòa án cấp sơ thẩm cũng không tuyên buộc các đương sự nộp tiền án phí về yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là vi phạm ...Điều 147 BLTTDS năm 2015, làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhà nước*” là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, HĐXX không chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước; Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Lê Minh Th và tập thể bà con sinh sống và làm rẫy tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước tại phiên tòa. Công nhận phần đất có diện tích 673,1 m² có vị trí xác định: Phía đông giáp đường bê tông, phía tây giáp đường công cộng, phía nam giáp đất ông Nguyễn Tuyên X và ông Võ Đình T dài 132,81 m; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Tuyên X và Lê Văn K dài 136,74 m được thể hiện tại Mảnh trích đo chính số 01, do Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện Đ lập ngày 28/02/2020 (kèm theo Bản án này) là đường đi chung của 10 hộ dân tại Đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th. Buộc tập thể 10 hộ dân và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại đội 1, ấp S, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (là những người trực tiếp sử dụng thường xuyên đối với toàn bộ phần đất có diện tích 673,1 m² để làm đường đi) gồm các ông (bà): Huỳnh Văn L, Mã Thanh M, Nguyễn Châu Ph, Tăng Ứng Nh, Lê Thị Đ, Đinh Văn Ch, Trần Văn Th, Trương Quốc N, Huỳnh Ngọc D (có vợ là Mã Thị Tr), Trương Văn S, Trương Quốc V, Võ Thị Thanh Th, Nguyễn Văn H, Bùi Thế Nh (nhận chuyển nhượng lại đất của ông Võ Đình T), Đoàn Thị V, Lê Văn Th, Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Lê Minh Th số tiền 190.487.300 đồng (tương ứng mỗi phần là 11.205.135 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Các ông (bà): Huỳnh Văn L, Mã Thanh M, Nguyễn Châu Ph, Tăng Ứng Nh, Lê Thị Đ, Đinh Văn Ch, Trần Văn Th, Trương Quốc N, Huỳnh Ngọc D (có vợ là Mã Thị Tr), Trương Văn S, Trương Quốc V, Võ Thị Thanh Th, Nguyễn Văn H, Bùi Thế Nh (nhận chuyển nhượng lại đất của ông Võ Đình T), Đoàn Thị V, Lê Văn Th, Nguyễn Văn H có quyền khởi kiện những cá nhân, tổ chức sinh sống, làm rẫy thường xuyên sử dụng phần đất có diện tích 673,1 m² để làm đường đi bồi hoàn lại số tiền mà các ông bà có tên trên đã bồi thường thiệt hại cho ông Lê Minh Th tương ứng với phần mà họ phải chịu.

5. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh Th đối với ông Ngô Văn Lâm và UBND xã Tân H do ông Lê Minh Th rút yêu cầu khởi kiện.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh Th không phải nộp án phí.

Buộc các ông (bà): Huỳnh Văn L, Mã Thanh M, Nguyễn Châu Ph, Tăng Ứng Nh, Lê Thị Đ, Đinh Văn Ch, Trần Văn Th, Trương Quốc N, Huỳnh Ngọc D (có vợ là Mã Thị Tr), Trương Văn S, Trương Quốc V, Võ Thị Thanh Th,

Nguyễn Văn H, Bùi Thế Nh (nhận chuyển nhượng lại đất của ông Võ Đình T), Đoàn Thị V, Lê Văn Th, Nguyễn Văn H mỗi người phải nộp số tiền là 560.260 đồng (năm trăm sáu mươi nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư